

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2011/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT ngày 19/4/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 118/TTr-SGTVT ngày 14/12/2010 và Báo cáo Thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 164/BC-STP ngày 24/11/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Ban quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 22/02/2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương; nguồn vốn phục vụ cho công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường bộ địa phương (gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường bộ địa phương.

Điều 3. Trách nhiệm về quản lý, bảo trì, bảo vệ và thẩm định an toàn giao thông

1. Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng và thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện thực hiện quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng và thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường đô thị, đường huyện.
3. UBND cấp xã thực hiện quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đối với hệ thống đường xã.
4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng và thẩm định an toàn giao thông đối với đường chuyên dùng.

Chương II QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Nội dung công tác quản lý đường bộ

1. Lưu trữ và quản lý khai thác hồ sơ hoàn công công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.
2. Lập hồ sơ quản lý công trình đường bộ

a) Đối với cầu đường bộ: Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công như trạng thái không của cầu, hồ sơ hệ mốc cao độ, bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ đèn bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hành lang an toàn cầu, hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, kiểm định, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu.

b) Đối với đường bộ: Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hệ thống thoát nước, hồ sơ đèn bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép thi công; lập bình đồ duỗi thẳng và cập nhật các biến động về tổ chức giao thông, sử dụng đất dành cho đường bộ; sổ tuần đường; cập nhật số liệu về đếm xe (lưu lượng, tải trọng xe); cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Công trình kè, cống và các công trình nhân tạo tương tự, ngoài việc quản lý bảo dưỡng thường xuyên, phải lập kế hoạch kiểm tra, theo dõi riêng.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

4. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ; phối hợp với công an, UBND các cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Theo dõi tình hình hư hại công trình đường bộ; tổ chức tuần tra, kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời hư hỏng và các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị UBND các cấp xử lý theo quy định.

6. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ tháng, quý, năm; kiểm tra đột xuất sau mỗi đợt lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác.

7. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại phương tiện cơ giới đường bộ.

8. Thực hiện quản lý tải trọng, khổ giới hạn xe; tổ chức cấp giấy lưu hành cho xe bán xích, xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng công trình đường bộ; kiểm tra tải trọng xe ở các trạm kiểm tra tải trọng xe cố định hoặc tạm thời và xử lý theo quy định; phân tích đánh giá tác động do hoạt động của xe quá khổ, quá tải đến sự bền vững công trình đường bộ.

9. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định nguyên nhân ban đầu từng vụ tai nạn, thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

10. Phân làn, phân luồng, tổ chức giao thông; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi kết quả các điểm đen đã được xử lý.

11. Trực đảm bảo giao thông; theo dõi tình hình thời tiết, ngập lụt, các sự cố công trình, xử lý và báo cáo theo quy định.

12. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 5. Nội dung bảo trì đường bộ

1. Công tác bảo trì đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

2. Bảo dưỡng thường xuyên là công việc hàng ngày hoặc theo định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng hoặc hàng quý, nhằm theo dõi tình trạng đường bộ, đưa ra giải pháp ngăn chặn hư hỏng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng đường bộ, duy trì tình trạng làm việc bình thường của đường bộ để bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt.

3. Công tác sửa chữa định kỳ là công tác sửa chữa hư hỏng đường bộ theo thời hạn quy định, kết hợp khắc phục một số khuyết tật của đường bộ xuất hiện trong quá trình khai thác, nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật ban đầu và cải thiện điều kiện khai thác của đường bộ (nếu cần thiết).

Công tác sửa chữa định kỳ bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn; giữa hai kỳ sửa chữa lớn có ít nhất một lần sửa chữa vừa.

a) Đối với đường bộ

Thời hạn sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được quy định theo loại kết cấu mặt đường và lưu lượng xe tính toán thiết kế mặt đường theo bảng dưới đây.

TT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	4	12
2	Bê tông xi măng	8	24
3	Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen	3	9
4	Thấm nhập nhựa; láng nhựa 2, 3 lớp	3	6
5	Đá dăm tiêu chuẩn, cấp phối đá dăm	2	4
6	Cấp phối thiên nhiên	1	3

Thời hạn quy định sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được điều chỉnh bằng hệ số triết giảm phù hợp với điều kiện về thời gian sử dụng đường bộ và tăng trưởng lưu lượng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Các hệ số này được vận dụng theo qui định tương tự hệ số (K_1), (K_2) tại các Phụ lục của Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

b) Đối với cầu đường bộ:

- Cầu tạm: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ.

- Các cầu khác: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định.

4. Công tác sửa chữa đột xuất là sửa chữa các sự cố hư hỏng đường bộ do thiên tai lụt, bão hoặc các sự cố bất thường khác gây ra. Đơn vị quản lý đường bộ trực tiếp phải chủ động lập phương án, khẩn trương huy động mọi lực lượng về nhân lực, thiết bị, vật tư để tổ chức phân luồng, khắc phục đảm bảo giao thông và báo cáo nhanh về cơ quan quản lý đường bộ để được hỗ trợ.

Sửa chữa đột xuất được chia làm hai bước như sau:

a) Bước 1: Thực hiện sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Bước 1 được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán.

b) Bước 2: Xử lý tiếp theo Bước 1, nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình. Bước 2 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản.

Điều 6. Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ

Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức như quy định đối với công trình xây dựng cơ bản.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ

a) Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ hiện hành

b) Áp dụng theo Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ

c) Các định mức duy tu, bảo dưỡng thảm cỏ, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cọc cừ và định mức tương tự khác không có ở các tập định mức nêu tại điểm b khoản 2 Điều này, áp dụng các định mức tương ứng của ngành khác hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 7. Quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm điều tra, khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu về đường bộ trên các tuyến đường đang quản lý và báo cáo đúng định kỳ theo quy định gửi cho cơ quan quản lý đường bộ để phục vụ cho công tác bảo trì đường bộ và đầu tư xây dựng.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về cơ sở hạ tầng do mình quản lý lên cơ quan cấp trên.

Chương III BẢO VỆ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của công trình đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bên phà đường bộ ra mỗi bên như sau:

- a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, cấp II.
- b) 02 mét đối với đường cấp III.
- c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

3. Phần đất bảo vệ, bảo trì công trình dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, chống tràn chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

4. Nhà nước giao cơ quan quản lý đường bộ quản lý đất của đường bộ và không thu phí sử dụng đất.

5. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất của đường bộ và lập thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

6. Đối với công trình đường bộ đang khai thác thì cơ quan quản lý đường bộ cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương phải xác định giới hạn và phải có kế hoạch hàng năm thu hồi đất của người sử dụng đất để quản lý theo quy định, ưu tiên giải quyết thu hồi đất với các đường bộ từ cấp III trở lên.

Điều 9. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Giới hạn hành lang an toàn đối với công trình đường bộ thực hiện theo Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP).

2. Giới hạn bảo vệ trên không của công trình đường bộ xây dựng mới

Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ đối với phần trên không thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

3. Khoảng cách các công trình đến công trình đường bộ được thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

4. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang: Đối với công trình cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện: tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột và không được nhỏ hơn 05 mét.

5. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước: Đối với công trình đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định đối với từng công trình cụ thể, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình, không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

Điều 10. Cấp Giấy phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Các công trình thi công trong phạm vi đất dành cho đường bộ chỉ được tiến hành thi công khi có Giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ cấp phép.

2. Điều kiện cấp phép thi công

a) Thi công công trình trong phạm vi đất của đường bộ.

b) Thi công công trình trong hành lang an toàn đường bộ:

- Công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đó, gồm công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ, công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí.

- Cửa hàng xăng dầu, đường nhánh đầu nối vào đường chính.

3. Cơ quan thực hiện cấp phép thi công

a) Sở Giao thông vận tải thực hiện trên các tuyến đường tỉnh.

b) UBND cấp huyện thực hiện trên các tuyến đường huyện, đường đô thị trên địa bàn huyện, thành phố.

c) UBND cấp xã thực hiện trên các tuyến đường xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

4. Hồ sơ xin cấp Giấy phép thi công:

a) Văn bản xin cấp Giấy phép thi công (bản chính).

b) Quyết định phê duyệt và Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (bản sao).

c) Hợp đồng giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công (bản sao).

d) Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

e) Văn bản thoả thuận của cơ quan quản lý đường bộ (đối với công trình thiết yếu, cửa hàng xăng dầu và đường nhánh đầu nối vào đường chính) trước khi phê duyệt dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

g) Bản cam kết tự di dời công trình khi đường bộ được đầu tư nâng cấp, mở rộng và không được bồi thường (đối với công trình thiết yếu và công trình đường nhánh đầu nối vào đường chính).

(Thủ tục hành chính này đã được quy định cụ thể tại Bộ Thủ tục hành chính của Sở Giao thông vận tải do UBND tỉnh ban hành)

5. Việc sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 11. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm các loại:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường chuyên dùng;

c) Đường nối đường gom.

2. Đường nhánh được đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được UBND cấp huyện phê duyệt, sau khi có văn bản thoả thuận của Sở Giao thông vận tải.

UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê các đường đã đầu nối và lập kế hoạch xử lý phù hợp với quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh:

3.1. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối cùng phía vào đường tỉnh của đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường gom thực hiện như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt.

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000m/điểm; đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000m/điểm.

c) Đối với các đoạn tuyến đường tỉnh đi qua khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt (như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được) không nhỏ hơn 500m/điểm.

3.2. Vị trí đầu nối của đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu vào đường tỉnh vừa phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và nằm trong quy hoạch được phê duyệt.

4. Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

5. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập Quy hoạch các điểm đầu nối, thoả thuận với Sở Giao thông vận tải và phê duyệt quy hoạch để triển khai thực hiện.

6. Chủ đầu tư công trình được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh để cấp phép thi công theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Quyết định này.

7. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công các dự án: Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ

KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý.

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

d) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải toả các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường tỉnh.

e) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh.

f) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

g) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh.

h) Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

2. UBND cấp huyện:

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thành phố quản lý; quản lý, lập quy hoạch đầu nối các tuyến đường trên địa bàn huyện vào đường tỉnh trình Sở Giao thông vận tải thỏa thuận và phê duyệt.

b) Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên do UBND tỉnh ban hành.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

d) Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

e) Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

f) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

g) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

h) Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng (Phòng Quản lý đô thị) tham mưu việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành.

i) Thành lập đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của đơn vị quản lý đường bộ quy định tại Điều 16 của Quyết định này.

3. UBND cấp xã:

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

b) Bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

c) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

d) Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ. Thực hiện việc cấp phép thi công trên các tuyến đường xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

e) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

f) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa

g) Thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường xã theo đúng quy định hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc

theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn định mức biên chế và phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ bảo đảm sử dụng đúng mục đích.

8. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

10. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

1. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt và phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quản lý.

2. Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương V

NGUỒN VỐN VÀ VIỆC THANH, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 15. Nguồn vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ

1. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác.

2. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách cấp huyện và nguồn vốn khác.

3. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với đường xã được bố trí từ nguồn vốn của ngân sách cấp xã và huy động các nguồn lực của địa phương.

4. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với đường chuyên dùng do chủ công trình tự bố trí.

Điều 16. Thanh toán, quyết toán

1. Việc thanh toán, quyết toán nguồn vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Liên Bộ Giao thông vận tải - Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế quản lý, bảo trì đường bộ.

2. Các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ có trách nhiệm quản lý, quyết toán đúng theo chế độ tài chính hiện hành.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM, KHEN THƯỞNG VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 17. Xử lý vi phạm

Tổ chức, các nhân vi phạm các quy định trong công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: phát hiện, tố giác và ngăn chặn hành vi xâm phạm, phá hoại công trình đường bộ; hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ... được khen thưởng đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 19. Giải quyết khiếu nại

1. UBND tỉnh có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Trưởng Ban quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để tổng hợp, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Hué